

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2018
của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ Chỉ số Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 313/TTr-SNV ngày 22/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2018 của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Các sở, ban, ngành:

Xếp hạng	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC (thang điểm 100 điểm)
01	Cục Hải quan tỉnh	94,02
02	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	89,58
03	Cục Thuế tỉnh	89,26
04	Sở Tài nguyên và Môi trường	89,21
05	Thanh tra tỉnh	89,16
06	Sở Tài chính	89,04
07	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	88,87

08	Sở Y tế	88,72
09	Sở Nội vụ	88,49
10	Bảo hiểm xã hội tỉnh	88,34
11	Sở Xây dựng	88,05
12	Sở Giao thông vận tải	87,88
13	Sở Tư pháp	87,77
14	Sở Thông tin và Truyền thông	87,06
15	Sở Ngoại vụ	86,74
16	Sở Công Thương	86,23
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	86,09
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	85,57
19	Sở Khoa học và Công nghệ	85,09
20	Ban Dân tộc tỉnh	84,49
21	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	82,90
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	82,83

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Xếp hạng	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC (thang điểm 100 điểm)
01	Thành phố Buôn Ma Thuột	90,89
02	Huyện Krông Năng	88,42
03	Huyện Krông Ana	86,43
04	Huyện Krông Buk	86,30
05	Thị xã Buôn Hồ	86,03
06	Huyện Cư M'gar	85,46
07	Huyện Ea H'leo	85,10
08	Huyện Krông Bông	84,57
09	Huyện Ea Kar	84,33
10	Huyện Cư Kuin	83,54
11	Huyện Lắk	83,47
12	Huyện M'Đrăk	83,43
13	Huyện Krông Pắc	82,70
14	Huyện Buôn Đôn	82,47
15	Huyện Ea Súp	80,32

Điều 2. Căn cứ Chỉ số CCHC năm 2018, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thông tin, quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh CCHC, cải thiện Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị mình trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lưu*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D_60).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

